

BÁO CÁO

Tình hình tài chính toàn diện của tỉnh Bình Phước đến năm 2020

Ngày 03/02/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (UBND tỉnh) đã ban hành Kế hoạch hành động số 37/KH-UBND về việc thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Phước (Kế hoạch hành động). Căn cứ vào đó, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước (NHNN tỉnh) đã có Quyết định số 86/QĐ-BPH1 ngày 01/7/2021 về việc ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng trên địa bàn tỉnh triển khai Kế hoạch hành động.

Để có cơ sở triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động, NHNN tỉnh đã thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu có liên quan đến các mục tiêu và chỉ tiêu phân đầu được nêu trong Kế hoạch hành động từ các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn và báo cáo về tình hình tài chính toàn diện của tỉnh Bình Phước đến năm 2020 như sau:

I. Tổng quan tình hình kinh tế tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, có 3 huyện biên giới là Bù Gia Mập, Bù Đốp và Lộc Ninh với chiều dài đường biên 260,433km, tiếp giáp với 3 tỉnh của nước bạn Campuchia. Hiện nay, tỉnh Bình Phước đang quản lý 4 cửa khẩu và một lối mở, trong đó có một cửa khẩu quốc tế (Cửa khẩu Hoa Lư). Là địa bàn trung chuyển giữa Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, nên Bình Phước có địa hình rất đa dạng, gồm cả địa hình cao nguyên, đồi núi và đồng bằng. Bình Phước có diện tích 6.876,6 km², dân số trung bình năm 2020 là 1.011.076 người, mật độ dân số bình quân toàn tỉnh là 145 người/km². Lực lượng lao động toàn tỉnh năm 2020 là 751.610 người, tăng 3,57% so với năm 2019, tăng trung bình 1,65%/năm trong giai đoạn 2016-2020.

Hiện nay, tỉnh Bình Phước có 11 đơn vị hành chính cấp huyện bao gồm 01 thành phố Đồng Xoài; 02 thị xã gồm: Phước Long, Bình Long; 08 huyện gồm: Chơn Thành, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 7,25%, tăng 0,15 điểm % so với giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 21,9%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 40,5%; ngành dịch vụ chiếm 37,6%. Quy mô nền kinh tế đạt 68.000 tỷ đồng, bằng 1,64 lần so với năm 2015. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt 67,3 triệu đồng (tương đương 3.000 USD), bằng 1,54 lần so với năm 2015. Về nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái, phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp gắn với chuỗi giá trị, tạo nguồn

nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Về công nghiệp – xây dựng: công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 95% trong toàn ngành công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 12,7%. Trên địa bàn tỉnh có 13 khu công nghiệp với tổng diện tích 4.686 ha, trong đó có 05 khu đã lấp đầy. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 32%, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị từng bước được nâng cấp, đầu tư mới. Về ngành dịch vụ: tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 tăng 11,3%. Kết cấu hạ tầng thương mại ngày càng phát triển, đặc biệt là sự hình thành các siêu thị, chuỗi hệ thống cửa hàng bán lẻ hiện đại; hạ tầng điện và giao thông có bước đột phá.

Kim ngạch xuất khẩu vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu thực hiện 2.839 triệu USD, tốc độ tăng trưởng 19,4% so với năm trước; kim ngạch nhập khẩu năm 2020 thực hiện 1.581 triệu USD, tăng 19,2% so với năm 2019.

Môi trường đầu tư kinh doanh có bước cải thiện, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã có sự phát triển vượt bậc. Giai đoạn 2016-2020 thu hút đầu tư trong nước được 764 dự án với số vốn đăng ký là 56.860 tỷ đồng, tăng 3 lần về số dự án và tăng 2,5 lần về số vốn đăng ký so với giai đoạn 2011-2015. Thu hút đầu tư nước ngoài ước đạt 148 dự án với số vốn đăng ký là 1.240 triệu USD, tăng 1,2 lần về số dự án và tăng 1,75 lần về số vốn đăng ký so với giai đoạn 2011-2015. Số doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2016-2020 là 4.850 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 46.200 tỷ đồng, tăng 64,5% về số doanh nghiệp và hơn 3 lần về số vốn. Thành lập mới 149 hợp tác xã, tăng 83% so với giai đoạn 2011-2015.

Hiệu quả hoạt động ngành ngân hàng góp phần quan trọng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế. Đến cuối năm 2020, dư nợ cấp tín dụng toàn địa bàn tỉnh đạt 79.465 tỷ đồng, tăng 170,77% so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân của giai đoạn 2016-2020 ở mức cao, tăng bình quân 22,29%/năm. Tổng vốn huy động đạt 41.839 tỷ đồng, tăng 100,94% so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 13,76%.

II. Tình hình tài chính toàn diện của tỉnh Bình Phước đến năm 2020

1. Mức độ bao phủ các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh

Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 35 chi nhánh của 19 ngân hàng thương mại (trong đó, riêng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có 02 chi nhánh cấp 1 và 16 chi nhánh cấp 02), 01 chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội và 4 quỹ tín dụng nhân dân, chưa có loại hình ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài và tổ chức tài chính vi mô. Mạng lưới của các TCTD trên địa bàn ngày càng được mở rộng thông qua số lượng chi nhánh, phòng giao dịch ngày càng tăng. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại tại Bình Phước giai đoạn 2015 – 2020

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại	65	68	76	82	88	90
Mức độ bao phủ chi nhánh và phòng giao dịch /1.000 km ² ¹	9,45	9,89	11,05	11,92	12,80	13,09
Mức độ bao phủ chi nhánh và phòng giao dịch /100.000 người trưởng thành ²	9,42	9,66	10,64	11,36	12,13	11,97

Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại tại Bình Phước tăng trung bình mỗi năm là 6,77%, từ 65 chi nhánh và phòng giao dịch năm 2015 lên 90 chi nhánh và phòng giao dịch năm 2020. Do số lượng chi nhánh và phòng giao dịch tăng lên nên mức độ bao phủ theo diện tích của các ngân hàng thương mại tại tỉnh cũng có xu hướng tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2015-2020. Bình Phước có diện tích 6.876,76 km², do đó cứ 1.000 km² có 9,45 chi nhánh và phòng giao dịch hoạt động năm 2015 tăng lên 13,09 chi nhánh và phòng giao dịch năm 2020. Ngoài ra, theo số liệu Bảng 1, mật độ bao phủ mạng lưới ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành của tỉnh trong những năm đầu của giai đoạn 2015 - 2020 tăng, tuy nhiên, đến năm 2020, chỉ tiêu này có xu hướng giảm nhẹ do tốc độ tăng về số lượng người trưởng thành là 3,57%, cao hơn so với mức tăng về số lượng chi nhánh và phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại (2,27%).

Hiện nay tỉnh Bình Phước có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện, chia thành 111 đơn vị hành chính cấp xã gồm 15 phường, 6 thị trấn và 90 xã. Tuy nhiên, chỉ có 37/111 đơn vị hành chính cấp xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính (chi nhánh, phòng giao dịch của các TCTD), chiếm 33,33%, đây là khoảng trống của phát triển tài chính toàn diện trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống ATM, POS hoạt động đảm bảo an toàn, ổn định và ngày càng mở rộng, cụ thể ở Bảng 2, Bảng 3:

Bảng 2. Số lượng ATM và mức độ bao phủ ATM trên địa bàn Bình Phước giai đoạn 2015 - 2020

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng ATM	110	121	133	140	150	166
Số lượng ATM/1.000 km ²	16,00	17,60	19,34	20,36	21,81	24,14
Số lượng ATM/100.000 người trưởng thành	15,94	17,18	18,63	19,39	20,67	22,09

¹ Số liệu diện tích lấy tại Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước từ năm 2015 - 2020

² Số liệu người trưởng thành lấy tại Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước từ năm 2015 - 2020

Mức độ bao phủ ATM trên địa bàn Bình Phước có sự tăng trưởng nhanh. Số lượng ATM trong giai đoạn 2015-2020 tăng trung bình 8,6%/năm. Mức độ bao phủ ATM tính theo diện tích từ 16 máy trên 1.000 km² năm 2015 đã tăng lên 24,14 máy trên 1.000km² năm 2020. Mật độ ATM phân bổ dày đặc tại các khu vực đô thị, nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp... tuy nhiên gần như không hiện diện tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Trong giai đoạn này, mức độ bao phủ ATM tính trên 100.000 người trưởng thành tại tỉnh tăng 38,6%, từ 15,94 máy năm 2015 lên 22,09 máy năm 2020. Nhìn chung, mức độ bao phủ ATM theo dân số của Bình Phước cao hơn so với tốc độ tăng trung bình của người trưởng thành trong giai đoạn này (1,73%), điều này tạo ra sự thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng.

Bảng 3. Số lượng và mức độ bao phủ máy POS trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015 - 2020

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng máy POS	148	174	252	223	265	349
Số lượng máy POS/1.000 km ²	21,52	25,30	36,65	32,43	38,54	50,75
Số lượng máy POS/100.000 người trưởng thành	21,45	24,71	35,29	30,89	36,52	46,43

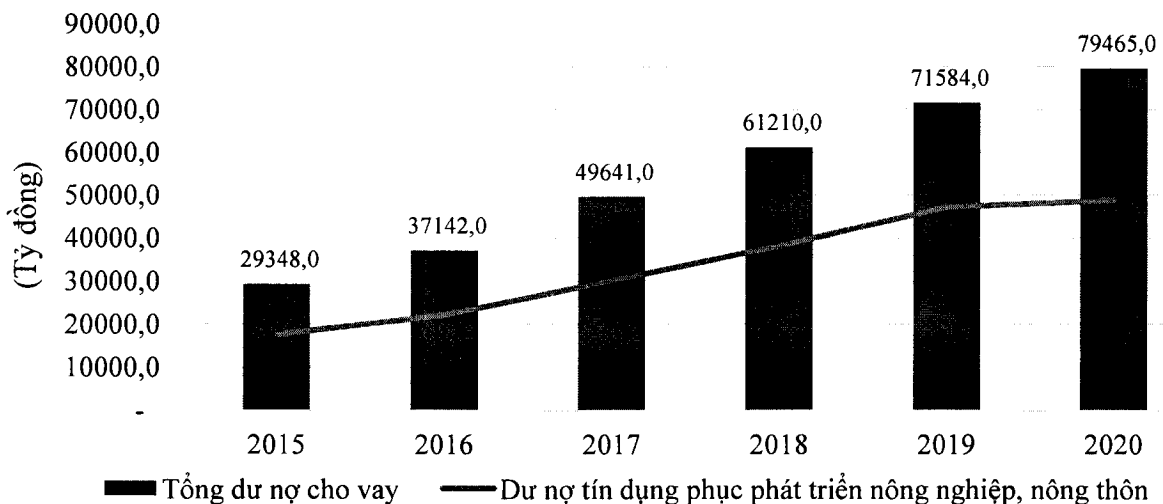
Không chỉ mạng lưới ATM được mở rộng, các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn Bình Phước cũng mở rộng mạng lưới điểm đặt máy POS nhằm phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng tại tỉnh (Bảng 3). Tốc độ tăng trưởng điểm đặt máy POS ở mức cao với tỷ lệ tăng trung bình lên đến 20%/năm. Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh Bình Phước có 349 máy POS. Số máy POS trên 100.000 dân số trưởng thành là 46,43 máy, số máy POS trên 1.000 km² là 50,75 máy. Tuy nhiên, phần lớn số lượng máy POS trên địa bàn tỉnh được lắp đặt tại các điểm bán lẻ chủ yếu tập trung ở khu đô thị và đang mở rộng tới nhiều đơn vị cung ứng dịch vụ công như cơ sở y tế, bệnh viện, trường học, dịch vụ công ích...

Bên cạnh các chi nhánh ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội và các quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh cũng tham gia cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đến người dân. Trong đó, chi nhánh ngân hàng Chính sách Xã hội triển khai thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi dành cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Chính phủ ban hành từng thời kỳ. Thông qua các tổ tiết kiệm và vay vốn, các hoạt động của chi nhánh ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Bình Phước giúp các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, các quỹ tín dụng nhân dân đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho các thành viên và người dân sinh sống trên địa bàn hoạt động (giới hạn chủ yếu trong 01 xã và các xã liền kề).

Nhìn chung, các TCTD trên địa bàn tỉnh không ngừng mở rộng và phát triển mạng lưới nhằm tiếp cận, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho khách hàng. Số lượng và mức độ bao phủ mạng lưới hoạt động ngân hàng thông qua chi nhánh, phòng giao dịch; hệ thống ATM và máy POS theo địa lý của các TCTD đều tăng nhanh trong những năm qua, tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận và sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. *Tuy nhiên, các điểm cung ứng dịch vụ tài chính phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung tại các khu vực đô thị, nơi tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, trong khi ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa điều kiện tiếp cận các điểm cung ứng dịch vụ tài chính còn rất hạn chế.*

2. Tình hình hoạt động tín dụng của các TCTD trên địa bàn tỉnh

Hình 1. Tình hình dư nợ cho vay tại các TCTD trên địa bàn Bình Phước giai đoạn 2015-2020



Hình 1 cho thấy dư nợ tín dụng tại các TCTD trên địa bàn tỉnh ngày càng gia tăng, trung bình mỗi năm tăng 22,29% trong giai đoạn 2015 – 2020. Đến cuối năm 2020, dư nợ cho vay tại các TCTD trên địa bàn tỉnh đạt 79.465 tỷ đồng, tăng 170,77% so với năm 2015, trong đó cho vay đối với cá nhân, hộ kinh doanh đạt 61.588 tỷ đồng, chiếm 77,50% tổng dư nợ cho vay, chủ yếu dư nợ cá nhân tại các ngân hàng thương mại chiếm tỷ trọng cao nhất (95%), còn lại là các khoản vay tại các quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội. Dư nợ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm 61,34% trong tổng dư nợ tín dụng, trong khi tỷ lệ này trên cả nước chỉ đạt 8,46%. Nguyên nhân do sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Bình Phước phát triển khá ổn định, chiếm tỷ trọng 23,65%³ trong cơ cấu nền kinh tế, diện tích các loại cây lâu năm cho sản phẩm chủ lực lớn và ngày càng tăng lên giúp giá trị, sản lượng tiếp tục tăng.

Năm 2020, số lượng khách hàng vay vốn đạt 213.708 khách hàng, trong đó có 1.685 khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ với tổng dư nợ cho vay là 9.974 tỷ đồng, chiếm 12,55% tổng dư nợ tại các TCTD trên toàn địa bàn. Thời gian qua

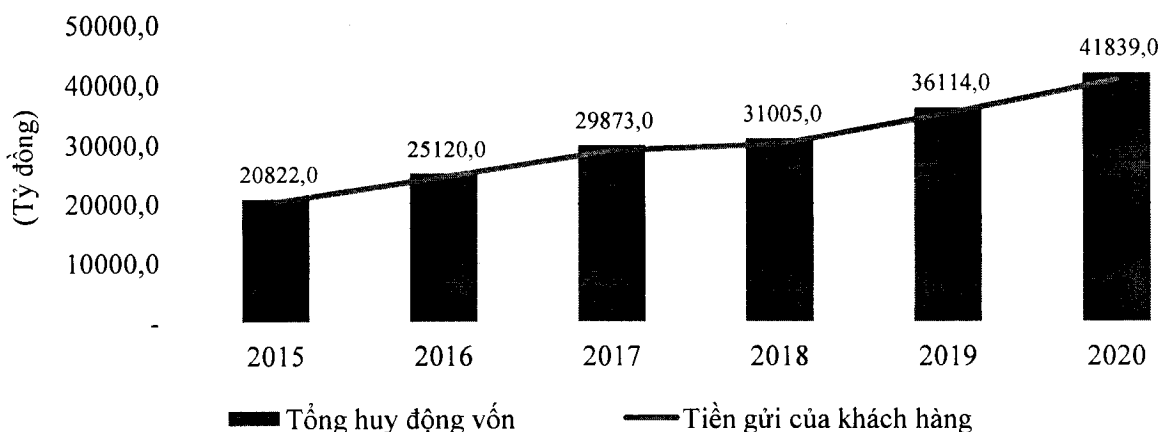
³ Tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh Bình Phước đăng trên website <https://binhphuoc.gov.vn/>

các TCTD cũng triển khai rất nhiều các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ như đổi mới quy trình giao dịch, tăng chất lượng dịch vụ ngân hàng bằng việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại để tiết giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, NHNN tỉnh đã tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành và các TCTD trên địa bàn tổ chức các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp; ngoài ra còn xử lý những trường hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp thông qua đường dây nóng và phản ánh từ hiệp hội doanh nghiệp, các sở, ban, ngành và các huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, trong năm 2020 vừa qua, thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, NHNN tỉnh đã chỉ đạo các TCTD trên địa bàn thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ kịp thời cho khách hàng vay vốn, khắc phục hậu quả do dịch Covid-19 như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay; cho vay mới, miễn giảm phí theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 gây ra. Kết quả tới tháng 06/2021, các TCTD trên địa bàn đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 73 khách hàng với dư nợ 761,74 tỷ đồng; miễn, giảm lãi vay cho 3.393 khách hàng với dư nợ 4.714,18 tỷ đồng, số lãi đã được miễn, giảm là 5,23 tỷ đồng; cho vay mới 14.646 khách hàng với lãi suất cho vay giảm từ 1% - 2%/năm, số dư nợ cho vay mới 33.412,94 tỷ đồng.

3. Tình hình huy động vốn tại các TCTD trên địa bàn tỉnh

Tỷ lệ khách hàng gửi tiết kiệm tại các TCTD trong tỉnh tăng trung bình 15,14% mỗi năm trong giai đoạn 2015 – 2020, chiếm tỷ lệ cao trong tổng huy động vốn tại các TCTD. Cụ thể, năm 2020, tiền gửi khách hàng đạt 40.719 tỷ đồng, chiếm 97,32% tổng huy động vốn, số lượng tài khoản người trưởng thành gửi tiết kiệm tại các TCTD là 276.022 tài khoản, bình quân chiếm 36,72% trong số lượng người trưởng thành tại Bình Phước.

Hình 2. Tình hình huy động vốn tại các TCTD trên địa bàn Bình Phước giai đoạn 2015 - 2020



Có thể thấy, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tín dụng năm 2020 có mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm qua (11,01%), trong khi nhu cầu gửi tiền tại TCTD vẫn tăng mạnh. Nguyên nhân: thứ nhất, so với các kênh đầu tư khác thì gửi tiết kiệm vẫn là an toàn nhất mặc dù mặt bằng lãi suất huy động giảm bình quân khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019; thứ hai, cùng với sự phát triển của hệ thống ngân hàng điện tử, phương thức gửi tiết kiệm trực tuyến (online) ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng bởi độ an toàn, sự nhanh chóng và nhiều tiện ích vượt trội hơn so với gửi tiết kiệm truyền thống. Tuy nhiên huy động vốn trên địa bàn trong những năm qua chỉ chiếm khoảng 50% tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn cho thấy Bình Phước là tỉnh kinh tế đang phát triển nhanh, nhu cầu vốn tín dụng tăng trưởng mạnh.

4. Tình hình người dân sử dụng tài khoản thanh toán tại các TCTD

Năm 2020, số lượng tài khoản thanh toán cá nhân tại các ngân hàng đạt 852.473 tài khoản, trong đó số lượng tài khoản thanh toán của người trưởng thành 847.899 tài khoản (chiếm 99,46%), trong khi số lượng người trưởng thành tại Bình Phước năm 2020 là 751.610 người, điều này có nghĩa bình quân 01 người trưởng thành sở hữu hơn 01 tài khoản. Nguyên nhân dẫn đến việc cá nhân sở hữu tài khoản tại ngân hàng ở mức cao là do tỉnh có mức độ đô thị hóa ở mức cao, dân số trẻ; đồng thời, sự phát triển kinh tế và xã hội, mức độ bao phủ của ngân hàng trong tỉnh ngày càng tăng, các doanh nghiệp trả lương thông qua tài khoản ngân hàng, các tiểu thương, nhóm người kinh doanh tự do, sinh viên, học sinh trong tỉnh nhận thức được sự tiện lợi khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, đặc biệt là khi hệ thống ngân hàng đã có những bước tiến nhanh chóng trong cung cấp sản phẩm dịch vụ đến người dân như định danh khách hàng điện tử (eKYC), dịch vụ ngân hàng hàng điện tử (Ebanking), thanh toán quét mã QR Code, chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip bảo mật hơn, thẻ không tiếp xúc và tích hợp các nền tảng đa kênh (giữa website, POS, ứng dụng di động)... Đặc biệt, từ sau khi Thông tư 16/2020/TT-NHNN được ban hành cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được mở tài khoản thanh toán cho cá nhân bằng phương thức điện tử càng khiến cho hoạt động này phát triển mạnh mẽ.

5. Tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại Bình Phước

NHNN tỉnh quyết liệt triển khai các giải pháp thực hiện hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đến hệ thống ngân hàng trên địa bàn. Đặc biệt kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/5/2020 về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, các phương thức TTKDTM trên địa bàn tỉnh không ngừng tăng mạnh, việc mở và sử dụng tài khoản của cá nhân tiếp tục tăng lên. Mạng lưới cung ứng dịch vụ thanh toán trên địa bàn Bình Phước: ngoài NHNN tỉnh thực hiện chức năng trung tâm thanh toán hệ thống ngân hàng, có 35 chi nhánh ngân hàng thương mại, 01 chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội và 04 quỹ tín dụng nhân dân. Số lượng giao dịch TTKDTM qua ngân hàng năm 2020 đạt 813 triệu giao dịch; tính đến cuối năm 2020, các ngân hàng thương mại đã mở 852.473 tài khoản thanh toán, phát hành 556.988 thẻ ghi nợ; trên địa bàn tỉnh được lắp đặt

166 máy ATM, 349 máy POS. Trong giai đoạn 2015-2020, số lượng giao dịch TTKDTM qua hệ thống liên ngân hàng tăng trung bình 16,05%/năm. Các hình thức TTKDTM phục vụ đa dạng các đối tượng khách hàng (doanh nghiệp, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội (sản xuất kinh doanh, chi trả lương, trợ cấp xã hội, trao đổi, mua bán hàng hóa, chi tiêu dùng,...); giao dịch thanh toán có thể thực hiện mọi lúc, mọi nơi; và đặc biệt, thời gian thực hiện các giao dịch được rút ngắn đáng kể... mang lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp trên toàn tỉnh.

Mặc dù vậy việc sử dụng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch dân sự của người dân, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa; việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế, giáo dục còn khiêm tốn; tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao, thanh toán điện tử gần đây có những diễn biến phức tạp với những hành vi, thủ đoạn mới, tinh vi hơn...

6. So sánh một số chỉ tiêu thực tế của tỉnh đến thời điểm cuối năm 2020 so với chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025 trong Kế hoạch hành động

STT	Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025	Chỉ tiêu thực tế đến thời điểm cuối năm 2020
1	Ít nhất 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Có 847.899 tài khoản thanh toán của người trưởng thành trên 751.610 người trưởng thành, do đó bình quân đạt 112,81% (do phát sinh trường hợp 01 người trưởng thành có nhiều hơn 01 tài khoản)
2	Ít nhất 20 chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành	Có 11,97 chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành
3	Ít nhất 50% tổng số xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính	Có 33,33% tổng số xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính
4	Ít nhất 25%-30% người trưởng thành gửi tiết kiệm tại các TCTD	Có 276.022 tài khoản người trưởng thành gửi tiết kiệm tại các TCTD, bình quân chiếm 36,72% số lượng người trưởng thành tại Bình Phước
5	Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 – 2025: 20%-25% hàng năm	Số lượng giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng tăng trung bình 16,05%/năm trong giai đoạn 2015-2020
6	Ít nhất 1.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tín dụng tại các TCTD	Có 1.685 doanh nghiệp nhỏ và vừa có dư nợ tín dụng tại các TCTD (trong đó, phát sinh một số trường hợp 01 doanh nghiệp có dư nợ vay tại nhiều TCTD)

7	Duy trì dư nợ tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế đạt tối thiểu 30%	Dư nợ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm 61,34% trong tổng dư nợ tín dụng tại các TCTD
---	---	---

III. Các khó khăn, vướng mắc trong triển khai tài chính toàn diện của Bình Phước

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

Thứ nhất, nhận thức của người dân đặc biệt là bộ phận công nhân, nông dân, dân tộc thiểu số về sản phẩm, dịch vụ tài chính mặc dù đã được nâng cao nhưng vẫn còn một bộ phận người dân thiếu hiểu biết về sản phẩm dịch vụ tài chính và cảm thấy e ngại khi tiếp cận dịch vụ tài chính.

Thứ hai, tỷ lệ người dân gửi tiết kiệm qua hệ thống TCTD trên địa bàn tỉnh mặc dù tăng nhưng còn khá thấp so với tiềm năng. Nhiều cá nhân thay vì gửi tiết kiệm tại các TCTD thì chơi họ, hội, nhóm hoặc mua vàng, ngoại tệ cất giữ. Quy mô dư nợ cho vay tại các TCTD trên địa bàn Bình Phước đang ngày càng tăng lên, mặc dù vậy, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2015 - 2020. Bên cạnh đó, tỷ lệ sử dụng vốn vay trên thị trường phi chính thức còn cao (trong đó có tín dụng đen).

Thứ ba, việc tiếp cận sản phẩm, dịch vụ tài chính chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị, trong khi đó đối với người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn bị hạn chế. Chỉ tiêu số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại trên 100.000 người trưởng thành, tỷ lệ xã có điểm cung ứng dịch vụ tài chính đến cuối năm 2020 thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu phấn đấu trong Kế hoạch hành động, Chiến lược Tài chính toàn diện quốc gia.

Thứ tư, dù đã có những bước phát triển rất khả quan về tình hình TTKDTM những năm gần đây, nhưng việc sử dụng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch dân sự của người dân, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Thêm vào đó, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn chưa thật sự cao, hiện gần 2.800 USD/người trong khi ngưỡng thu nhập bình quân của các quốc gia có thu nhập trung bình cao năm 2019 là 3.996 USD/người. Với mức thu nhập chưa cao, người dân thường lựa chọn việc rút tiền mặt ra chi tiêu, đó là thói quen khó thay đổi. Ngoài ra, tâm lý e ngại của người dân khi tiếp cận với công nghệ thanh toán mới, cũng như lo ngại về an ninh an toàn và chi phí khi sử dụng các phương thức thanh toán điện tử nên việc triển khai TTKDTM gặp nhiều khó khăn.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Nhằm thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện trên địa bàn tỉnh Bình Phước thời gian tới, NHNN tỉnh đề xuất một số giải pháp sau:

Một là tạo điều kiện, khuyến khích các TCTD mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, gia tăng độ phủ sóng trên địa bàn toàn tỉnh.

Căn cứ số liệu so sánh tại Điểm 6 Mục II nêu trên, các chỉ tiêu thực tế đến cuối năm 2020 về độ phủ sóng (chỉ tiêu 2,3) và chỉ tiêu về tăng trưởng số lượng giao dịch TTKDTM giai đoạn 2015-2020 (chỉ tiêu 5) còn rất thấp so với chỉ tiêu phấn đấu đến cuối năm 2025. Trong khi khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cũng như việc sử dụng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến trong các giao dịch dân sự của người dân, nhất là ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi có tỷ lệ người dân sử dụng internet và điện thoại để xử lý giao dịch thấp, do đó sự hiện diện các điểm cung ứng dịch vụ tài chính vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 21/2013/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại, “số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không lớn hơn quá ba lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này”. ***Do đó NHNN tỉnh kiến nghị NHNN Việt Nam xem xét cho phép áp dụng quy định ngoại lệ tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 21/2013/TT-NHNN đối với địa bàn tỉnh Bình Phước thì mới đạt được các mục tiêu trong chiến lược tài chính toàn diện về điểm cung ứng dịch vụ tài chính và hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Phước.***

Trong giai đoạn trước khi có thể chuyển dịch sang các kênh phân phối dịch vụ ngân hàng mới dựa trên nền tảng công nghệ tài chính, các TCTD vẫn cần tiếp tục gia tăng, mở rộng độ phủ sóng của mình để tiếp cận gần hơn với khách hàng.

Hai là tiếp tục đẩy mạnh TTKDTM trên địa bàn toàn tỉnh

Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn đẩy mạnh phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan kết nối trao đổi thông tin dữ liệu trong việc cung ứng dịch vụ công tạo thuận lợi cho khách hàng thanh toán phí dịch vụ công, cụ thể: đẩy mạnh kết nối thanh toán thuế điện tử với cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước; tạo điều kiện thanh toán điện tử đối với các khoản phí, lệ phí... tại Công Dịch vụ công Quốc gia; triển khai dịch vụ thu hộ tiền điện, nước, chi trả viện phí, chi phí khám chữa bệnh, bảo hiểm xã hội, học phí...; đẩy mạnh cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên nền tảng trực tuyến; các nhà mạng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhanh chóng triển khai sản phẩm Mobile Money (ví điện tử viễn thông) nhằm lấp đầy khoảng trống trong việc TTKDTM tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa ngay khi được cấp phép.

Ba là nâng cao nhận thức, trình độ dân trí cho người dân.

Ngoài những nỗ lực của ngành ngân hàng thì việc hỗ trợ từ chính quyền địa phương giúp chiến lược thúc đẩy tài chính toàn diện được triển khai sâu rộng hơn đến người dân. Chính quyền địa phương cần chú trọng đến việc đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn và bảo vệ người dân, nâng cao hơn nữa hiểu biết, nhận thức của người dân về dịch vụ tài chính - đây là yếu tố quan trọng để người dân nảy sinh nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính, từ đó thúc đẩy tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm, nâng cao hiểu biết về dịch vụ tài chính đối với nhóm người có thu nhập thấp, trình độ

thấp, người sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nếu người dân không có kiến thức về dịch vụ tài chính thì người dân sẽ không có nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính đặc biệt sẽ bỏ đi nhiều cơ hội sử dụng và trải nghiệm sự tiện ích và hiện đại của các dịch vụ tài chính như mở tài khoản ngân hàng, thanh toán qua ngân hàng hay vay vốn tài chính.

Bốn là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhằm tăng thu nhập bình quân đầu người.

Chính quyền địa phương cần khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân mở rộng sản xuất kinh doanh, trên cơ sở đó, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân, tăng thêm thu nhập cải thiện đời sống. Giảm bớt các thủ tục hành chính trong phê duyệt dự án, thu hút vốn đầu tư, xem xét các gói chính sách ưu đãi vốn cho thanh niên khởi nghiệp là những giải pháp khuyến khích các chủ thể trong nền kinh tế gia tăng sản xuất kinh doanh, từ đó thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Đối với nhóm người có thu nhập thấp, trình độ thấp, người sống ở khu vực nông thôn, ngoài chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chính phủ, địa phương cũng cần có cơ chế tạo công ăn việc làm cho người dân thông qua tổ chức đào tạo nghề nghiệp liên kết với các doanh nghiệp để giải quyết việc làm, tạo thêm thu nhập cho các hộ nghèo của tỉnh thoát nghèo, vươn lên hội nhập xã hội.

Năm là giám sát hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, hạn chế hoạt động của tín dụng đen.

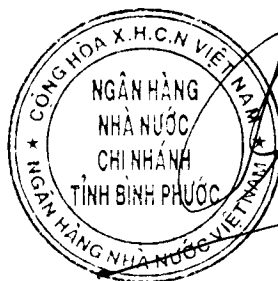
Niềm tin có ảnh hưởng quan trọng đến việc cá nhân tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính của các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, do vậy, các cơ quan ban ngành cần quan tâm, phối hợp chặt chẽ với ngành Ngân hàng trong việc giám sát hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính tại địa phương, ngăn chặn, hạn chế hoạt động tín dụng đen.

Trên đây là báo cáo tình hình tài chính toàn diện của tỉnh Bình Phước đến năm 2020, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Phước kính báo cáo./. *luu*

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng NHNN;
- Viện Chiến lược ngân hàng;
- CQTGSNH;
- Các TCTD trên địa bàn;
- Lưu: VT, TTGSNH. NTHHạnh. *luu*

GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thọ